

Bản án số: 457/2023/HC-PT

Ngày 26 tháng 6 năm 2023

V/v: “*Khiếu kiện quyết định hành chính
việc bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Hồng.

Các thẩm phán: Ông Lê Hoàng Tấn.

Ông Nguyễn Hồ Tâm Tú.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Quang Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Công Minh - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 26 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm trực tuyến vụ án hành chính thụ lý số 43/2023/TLPT-HC ngày 01 tháng 02 năm 2023 về việc: “*Khiếu kiện quyết định hành chính về bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 86/2022/HC-ST ngày 08/7/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1136/2023/QĐ-PT ngày 25 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

1. **Người khởi kiện:** Bà Lê Xuân T, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Tổ 2, ấp Đ, xã D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Lâm Văn S, sinh năm 1974.

Địa chỉ: 9A đường T, phường C, quận N, thành phố Cần Thơ (Theo Văn bản ủy quyền ngày 21/10/2020), có mặt.

2. **Người bị kiện:** Ủy ban nhân dân huyện P (nay là thành phố P), tỉnh Kiên Giang, xin xét xử vắng mặt.

3. **Do có kháng cáo của :** Ủy ban nhân dân thành phố P - Là người bị kiện.

Phiên tòa được tiến hành tại hai điểm cầu gồm: Điểm cầu Trung tâm là phòng xử án của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh và điểm cầu thành phần tại Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

1. Tại điểm cầu Trung tâm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Hồng.
- Các thẩm phán: Ông Lê Hoàng Tấn - Ông Nguyễn Hồ Tâm Tú.
- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Quang Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.
- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Công Minh - Kiểm sát viên cao cấp.
- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang có: Ông Trần Quang L - Phó trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố P, tỉnh Kiên Giang, có mặt.

2. Tại điểm cầu thành phần có:

- *Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện Lê Xuân T:* Ông Lâm Văn S, sinh năm 1974.

Địa chỉ: 9A đường T, phường C, quận N, thành phố Cần Thơ, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện của người khởi kiện Lê Xuân T và lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện bà Lê Xuân T có ông Lâm Văn S trình bày:* Vào năm 1991 cha mẹ ruột của bà Lê Xuân T là ông Lê Văn U và bà Trần Thị N có khai khẩn một thửa đất diện tích 102.654,9m² tại ấp Đ, xã D, huyện P, tỉnh Kiên Giang. Sau đó sử dụng để cất nhà, đào ao nuôi cá và trồng cây trên đất. Ngoài diện tích đất này gia đình bà Lê Xuân T không còn diện tích đất nào khác. Quá trình sử dụng đất ông Lê Văn U có nhiều người sống lâu năm ở địa phương biết rõ như: Ông Nguyễn Văn Đ1 (là Trưởng ấp Đ từ năm 1988 đến năm 2004), ông Nguyễn Văn T (là Trưởng ấp Đ từ năm 2004 đến năm 2009).

Năm 2005, sau khi mẹ bà Lê Xuân T là bà Trần Thị N chết, ông Lê Văn U làm “Tờ cho đất” phân chia phần đất của gia đình cho các con gồm: Lê Xuân T, Lê Thành N, Lê Thiện N mỗi người một phần hơn 25 công đất (25.000m²). Riêng Lê Trung T ở cùng với ông Lê Xuân U khi nào ông Lê Xuân U già yếu thì được thừa hưởng phần còn lại.

Khi thực hiện dự án khu Du lịch – Dân cư Nam Bãi Trường, ngày 27/10/2011 Ủy ban nhân dân (Viết tắt UBND) huyện P ban hành Quyết định số 5102/QĐ-UBND thu hồi diện tích đất 26.156,1m² của ông Lê Văn U, loại đất rừng phòng hộ. Trong ngày 03/11/2011, UBND huyện P ban hành Quyết định 5551/QĐ-UBND thu hồi diện tích đất 112,4m² của ông Lê Xuân U, loại đất ở nông thôn và Quyết định 5530/QĐ-UBND thu hồi diện tích đất 76.386,4m² của ông Lê Văn U, loại đất rừng phòng hộ. Các quyết định này thu hồi tổng số 102.654,9m² đất của ông Lê Văn U. Gia đình bà Lê Xuân T không được UBND huyện P giao các quyết định này.

Ngày 13/11/2011, ông Lê Văn U bị bệnh chết, sau khi ông Lê Xuân U chết gia đình mới được UBND huyện P giao Quyết định 5834/QĐ-UBND ngày 10/11/2011 của UBND huyện P về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho ông Lê Xuân U, quyết định này chỉ hỗ trợ cho ông Lê Xuân U 287.016.000 đồng mà không bồi

thường, tái định cư cho ông Lê Xuân U. Do không được bồi thường nên ông Lê Trung T đại diện các con của ông Lê Xuân U làm đơn khiếu nại đến Chủ tịch UBND huyện P yêu cầu được bồi thường diện tích đất 102.654,9m². Ngày 07/6/2017, Chủ tịch UBND huyện P tổ chức đối thoại với ông Lê Trung T, nội dung kết luận Chủ tịch UBND huyện P giao Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện xác minh lại nguồn gốc đất của ông Lê Xuân U. Nếu ông Lê Xuân U sử dụng đất năm 1991 thì bồi thường theo quy định, nếu sử dụng sau năm 1998 thì hỗ trợ thêm diện tích 15.933,4m² cho đủ hạn mức 30.000m², thống nhất lập phương án bồi thường bổ sung cây trồng và công đào ao cho gia đình ông Lê Xuân U. Cũng tại cuộc đối thoại này gia đình mới biết được các quyết định thu hồi đất của ông Lê Xuân U.

Đến tháng 8/2017, gia đình bà Lê Xuân T vẫn chưa nhận được quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện P. Ngày 16/8/2017, các anh chị em bà đã khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Hủy các Quyết định số 5102/QĐ-UBND ngày 27/10/2021; Quyết định số 5551/QĐ-UBND và Quyết định số 5530/QĐ-UBND ngày 03/11/2011 của UBND huyện P về việc thu hồi đất của ông Lê Văn U; Hủy Quyết định số 5834/QĐ-UBND ngày 10/11/2011 của UBND huyện P về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho ông Lê Xuân U.

Ngày 16/7/2018 Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang có Bản án số 35/2018/HC-ST, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Xuân T, ông Lê Thiện N, ông Lê Thành N, ông Lê Trung T, bản án đã có hiệu lực pháp luật. Để thi hành Bản án của Tòa án, ngày 31/12/2019 Ủy ban nhân dân huyện P ban hành Quyết định số 7218/QĐ-UBND về việc thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng, diện tích thu hồi là 25.000m². Ngày 18/02/2020 UBND huyện P ban hành Quyết định 985/QĐ-UBND về việc bổ sung hỗ trợ quyền sử dụng đất, hỗ trợ cây trồng với số tiền 2.486.165.000 đồng.

Xét thấy tại Bản án số 35/2018/HC-ST xác định nguồn gốc đất của ông Lê Xuân U là đủ điều kiện bồi thường và kiến nghị UBND huyện P khi ra quyết định thu hồi mới cần căn cứ vào quy định tại khoản 2 Điều 77 Luật Đất đai năm 2013 để ra quyết định bồi thường cho người bị thu hồi. Nhưng UBND huyện P chỉ hỗ trợ mà không bồi thường là trái với nội dung bản án đã có hiệu lực pháp luật.

Vì vậy, bà Lê Xuân T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Hủy Quyết định số 985/QĐ-UBND ngày 18/02/2020 của UBND huyện P về việc bổ sung hỗ trợ quyền sử dụng đất, hỗ trợ cây trồng cho bà Lê Xuân T. Buộc UBND huyện P (nay là thành phố P) ban hành quyết định về việc bồi thường đối với diện tích đất 25.000m² tại ấp Đ, xã D, huyện P, tỉnh Kiên Giang và thực hiện chính sách hỗ trợ theo đúng quy định pháp luật.

- Trong quá trình giải quyết vụ kiện, người đại diện của UBND thành phố P có ông Trần Chiến T trình bày: Nguồn gốc đất diện tích 25.000m² tại ấp Đ, xã D, huyện P là đất rừng tự nhiên do nhà nước quản lý. Trước năm 1993, ông Lê Văn U (cha bà Lê Xuân T) vào khu vực đất trên bắt cá đồng và đào ao để bắt cá tự nhiên, ngoài ra ông Lê Xuân U không canh tác hay sử dụng gì đối với diện tích 25.000m² đất trên.

Ngày 18/6/1998, UBND tỉnh ra Quyết định số: 2163/QĐ-UB, về việc giao đất diện tích 33.307,82ha và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Ban Quản lý rừng Phòng hộ và Rừng đặc dụng P để bảo vệ và phát triển rừng tại huyện P, trong đó có diện tích 25.000m² đất trên. Do Ban Quản lý rừng Phòng hộ quản lý không chặt chẽ nên khoảng năm 2000 gia đình ông Lê Văn U vào phát dọn trồng đào, tràm bông vàng trong diện tích 25.000m² đất trên. Đến năm 2005 ông Lê Xuân U cho lại con là bà Lê Xuân T sử dụng đến khi quy hoạch.

Ngày 24/5/2007, UBND tỉnh Kiên Giang ban hành quyết định số: 904/QĐ-UBND về việc thu hồi đất và giao UBND huyện P để lập phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng, thực hiện quy hoạch xây dựng khu du lịch - dân cư Bắc và Nam Bãi Trường tại xã D, thị trấn A, huyện P, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 20/10/2011, UBND huyện P ra Quyết định số 5046/QĐ-UBND phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Khu du lịch - Dân cư Nam Bãi Trường tại xã D và thị trấn A, huyện P. Trong đó có phần diện tích đất 102.542,5m² của ông Lê Văn U (do ông Lê Trung T) đại diện gia đình khởi kiện tại Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

Ngày 16/7/2018, Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang ban hành Bản án số 35/2018/HC-ST về việc khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai. Tuyên xử: hủy quyết định số: 5102/QĐ-UBND ngày 27/10/2011 và quyết định số: 5530/QĐ-UBND ngày 03/10/2011 của UBND huyện P về việc thu hồi đất của ông Lê Văn U; hủy quyết định số 5834/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho ông Lê Văn U. Kiến nghị UBND huyện P ban hành quyết định thu hồi đất, quyết định bồi thường hỗ trợ và tái định cư đối với bà Lê Xuân T, ông Lê Thành N, ông Lê Trung T, ông Lê Thiện N thay thế cho các quyết định bị hủy theo đúng quy định pháp luật.

Thực hiện Bản án đã có hiệu lực pháp luật, ngày 31/12/2019, UBND huyện P ban hành quyết định số 7215/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bổ sung bồi thường, hỗ trợ về quyền sử dụng đất, cây trồng, vật kiến trúc và hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm tại dự án khu du lịch - dân cư Nam Bãi Trường tại xã D và thị trấn A, huyện P, tỉnh Kiên Giang. Cùng ngày UBND huyện ban hành quyết định số 7218/QĐ-UBND về việc thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng đối với bà Lê Xuân T với diện tích 25.000m². Đến ngày 18/02/2020, UBND thành phố P ban hành quyết định số 985/QĐ-UBND về việc bổ sung hỗ trợ quyền sử dụng đất, hỗ trợ cây trồng cho bà Lê Xuân T với số tiền 2.486.165.000 đồng (trong đó, hỗ trợ 80% giá trị quyền sử dụng đất diện 25.000m² với số tiền 2.400.000.000 đồng, hỗ trợ 100% cây trồng với số tiền 86.165.000 đồng).

Về phương án hỗ trợ phần diện tích đất 25.000m² đối với bà Lê Xuân T khi thu hồi là phù hợp theo Điểm 10, khoản b, Điều 1, Quyết định số: 18/QĐ-UBND ngày 06/7/2018 của UBND tỉnh Kiên Giang sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Kiên Giang ban hành kèm theo Quyết định số: 22/QĐ-UBND ngày 17/6/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang do gia đình bà Lê Xuân T có quá trình sử dụng phần diện đất 25.000m² từ năm 2004 đến nay (kèm theo biên bản số 95/BB-HĐ

ngày 26/11/2019 của UBND xã D về xét duyệt nguồn gốc đất đối với bà Lê Xuân T theo Bản án của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang).

UBND thành phố P khẳng định Quyết định số: 985/QĐ-UBND ngày 18/02/2020 của UBND huyện P về việc hỗ trợ quyền sử dụng đất, hỗ trợ cây trồng cho bà Lê Xuân T đối với diện tích 25.000m² tại dự án khu du lịch - dân cư Nam Bãi Trường tại xã D và phường An Thới, thành phố P, tỉnh Kiên Giang là đúng theo quy định của pháp luật. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang bác yêu cầu khởi kiện của bà Lê Xuân T.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số: 86/2022/HC-ST ngày 08/7/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang đã quyết định:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 193; Điều 348, Điều 357, Điều 358 Luật Tổ tụng hành chính; Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Căn cứ điều 99, 101 Luật Đất đai năm 2013;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Xuân T.

- Hủy Quyết định số: 985/QĐ-UBND ngày 18/02/2020 của UBND huyện P về việc bổ sung hỗ trợ quyền sử dụng đất, hỗ trợ cây trồng cho bà Lê Xuân T.

- Hủy Quyết định số: 4094/QĐ-UBND ngày 09/7/2020 của UBND huyện P về việc đình chính Quyết định số 985/QĐ-UBND ngày 18/02/2020 của UBND huyện P về việc bổ sung hỗ trợ quyền sử dụng đất, hỗ trợ cây trồng cho bà Lê Xuân T.

- Buộc UBND thành phố P ban hành Quyết định bồi thường quyền sử dụng đất, bồi thường cây trồng trên đất, hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp cho bà Lê Xuân T theo quy định của pháp luật đối với diện tích đất bị thu hồi diện tích 25.000m² đất tại Đ, xã D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí hành chính sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 03/8/2022 người bị kiện UBND thành phố P có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với nội dung: Diện tích 25.000m² đất tại Đ, xã D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang có nguồn gốc do Nhà nước quản lý, tháng năm 2004 đoàn đo đạc quy hoạch 800ha Nam Bãi Trường thì ông Lê Văn U cha của bà Lê Xuân T đứng tên kê khai đo đạc, đến ngày 06/5/2005 ông Lê Xuân U cho bà Lê Xuân T sử dụng đến nay. Do đó yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp sửa án sơ thẩm, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Xuân T.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND thành phố P có ý kiến: Việc xác định nguồn gốc đất, sử dụng đất thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã. Ủy ban nhân dân xã D đã thành lập Hội đồng xét duyệt nguồn gốc đất và tại Biên bản số 95 ngày 26/11/2019 của Hội đồng xét duyệt đã kết luận phần đất của bà Lê Xuân T có nguồn gốc thuộc đất của UBND tỉnh Kiên Giang giao cho Ban quản lý rừng phòng hộ từ năm 1998, nhưng bị bà Lê Xuân T lấn chiếm đất rừng phòng hộ để sử dụng từ năm 2004. Ngoài ra, UBND thành phố P có thu thập được lời khai của người làm chứng là ông Nguyễn Văn Đ1, ông Nguyễn Văn T khai rằng ông Lê

Xuân U từ đất liền ra ở nhờ trên đất của bà D1 từ năm 1989-1999, sau đó ông Lê Xuân U có ký hợp đồng giao khoán với UBND xã D để trồng phi lao. Vì vậy, bà Lê Xuân T không đủ điều kiện được bồi thường về đất, mà chỉ được hỗ trợ. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm, bác toàn bộ đơn khởi kiện của bà Lê Xuân T.

- Ông Lâm Văn S là người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày: Bản án sơ thẩm số 35 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang đã có hiệu lực pháp luật, theo bản án xác định rõ nguồn gốc đất, nhưng UBND thành phố P không thực hiện đúng theo Bản án đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án. Vì vậy đề nghị bác kháng cáo của UBND thành phố P, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến: Về tố tụng những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng hành chính; đơn kháng cáo của người bị kiện UBND thành phố P hợp lệ, đủ điều kiện để giải quyết theo thủ tục phúc thẩm. Người kháng cáo UBND Thành phố P có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Nên đề nghị xét xử vắng mặt người kháng cáo theo quy định tại khoản 4 Điều 225 của Luật tố tụng hành chính.

Về nội dung kháng cáo: Xét yêu cầu kháng cáo của của người bị kiện UBND thành phố P là không có căn cứ. Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính năm 2015 bác kháng cáo của UBND thành phố P, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của UBND thành phố P đúng hình thức, trong thời hạn luật định, đủ điều kiện để giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Phiên tòa được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, người kháng cáo UBND Thành phố P có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Nên tiến hành xét xử vắng mặt người kháng cáo theo quy định tại khoản 4 Điều 225 của Luật tố tụng hành chính.

[2] Bà Lê Xuân T khởi kiện quyết định hành chính của UBND huyện (nay là thành phố) P về việc bổ sung hỗ trợ quyền sử dụng đất, hỗ trợ cây trồng cho bà Lê Xuân T khi thu hồi đất là đúng đối tượng khởi kiện, Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền giải quyết và còn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại các điều 30, 32, 116 Luật tố tụng hành chính.

[3] Quyết định số: 985/QĐ-UBND ngày 18/02/2020 của UBND huyện Phú ban hành đúng về hình thức, thẩm quyền, trình tự, thủ tục, thời hạn theo quy định của pháp luật.

[4] Diện tích 25.000m² ấp Đ, xã D, huyện P của bà Lê Xuân T bị thu hồi có nguồn gốc là đất rừng tự nhiên, thuộc một phần diện tích 102.654,9m² của cụ Lê Văn U khai phá, sử dụng. Đến ngày 06/8/2005 cụ Lê Văn U làm “Tờ cho đất” cho các con, trong đó bà Lê Xuân T được cho 25.000m².

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số: 35/2018/HC-PT ngày 16/7/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang (bản án đã và đang có hiệu lực pháp luật), đã xác định: “... *Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P* mặc nhiên thừa nhận toàn bộ diện tích đất của ông Lê Xuân U có quá trình sử dụng trước ngày 01/7/2004... Ông Nguyễn Văn Đ1, ông Nguyễn Văn T nguyên là Trưởng Ban lãnh đạo ấp Đ xác nhận ông Lê Xuân U khai phá diện tích đất trên từ năm 1991-1992 và được bầu làm Tổ Trưởng Tổ 7, ấp Đ từ năm 1998 đến năm 2006”. Theo điểm b khoản 1 Điều 79 Luật tổ tụng hành chính quy định những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh: “*Những tình tiết, sự kiện đã được xác định trong bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật*”. Tuy nhiên tại Biên bản số: 95/BB-HĐ ngày 26/11/2019 của UBND xã D xét duyệt nguồn gốc diện tích 25.000m² của bà Lê Xuân T sử dụng từ năm 2004, là trái với Bản án đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án đã xác định diện tích đất của bà Lê Xuân T có nguồn gốc sử dụng trước ngày 18/6/1998.

UBND huyện P căn cứ vào Biên bản số: 95/BB-HĐ ngày của UBND xã D và điểm b khoản 10 Điều 1 Quyết định số 18/QĐ-UBND ngày 06/7/2018 của UBND tỉnh Kiên Giang sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Kiên Giang ban hành kèm theo Quyết định số: 22/QĐ-UBND ngày 17/6/2015 của UBND tỉnh Kiên Giang, đề ban hành Quyết định số: 985/QĐ-UBND ngày 18/02/2020 về việc bổ sung, hỗ trợ quyền sử dụng đất, hỗ trợ cây trồng cho bà Lê Xuân T mà không ban hành quyết định bồi thường diện tích đất thu hồi và các chính sách kèm theo cho bà Lê Xuân T, là thực hiện không đúng quy định tại điểm a khoản 10 Điều 1 Quyết định số: 18/QĐ-UBND ngày 06/7/2018 của UBND tỉnh Kiên Giang và không đúng quy định tại khoản 2 Điều 77 Luật Đất đai năm 2013. Đến ngày 09/7/2020 của UBND huyện P ban hành Quyết định số: 4094/QĐ-UBND về việc đính chính Quyết định số: 985/QĐ-UBND ngày 18/02/2020 của UBND huyện P về việc bổ sung hỗ trợ quyền sử dụng đất, hỗ trợ cây trồng cho bà Lê Xuân T là chưa có căn cứ.

Do đó, Bản án sơ thẩm đã chấp nhận khởi kiện của bà Lê Xuân T: Hủy Quyết định số: 985/QĐ-UBND ngày 18/02/2020 của UBND huyện P về việc bổ sung hỗ trợ quyền sử dụng đất, hỗ trợ cây trồng cho bà Lê Xuân T và hủy Quyết định số: 4094/QĐ-UBND ngày 09/7/2020 của UBND huyện P về việc đính chính Quyết định số 985/QĐ-UBND ngày 18/02/2020 của UBND huyện P về việc bổ sung hỗ trợ quyền sử dụng đất, hỗ trợ cây trồng cho bà Lê Xuân T, là có căn cứ, đúng pháp luật.

Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 193 của Luật Tổ tụng hành chính, Hội đồng xét xử có quyền quyết định buộc cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ công vụ theo quy định của pháp luật. Bản án sơ thẩm buộc UBND thành phố P ban hành quyết định bồi thường quyền sử dụng đất, bồi thường cây trồng trên đất, hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp cho bà Lê Xuân T theo quy định pháp luật đối với diện tích đất bị thu hồi 25.000m² tọa lạc tại ấp Đ, xã D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang (theo Quyết định thu hồi đất số: 7218/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND huyện P, tỉnh Kiên Giang) là chưa chính xác nên điều chỉnh lại cho đúng: Buộc Ủy ban nhân dân thành phố P thực hiện nhiệm vụ, công vụ về việc bồi

thường, hỗ trợ do thu hồi đất của bà Lê Xuân T diện tích 25.000m² đất tại Đ, xã D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang theo quy định của pháp luật.

[5] Tại phiên tòa phúc thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND thành phố P cho rằng nguồn gốc diện tích 25.000m² do ông Lê Xuân U ký hợp đồng nhận đất giao khoán của UBND xã để trồng phi lao và bà Lê Xuân T chiếm đất rừng phòng hộ vào năm 2004, trong khi Bản án Bản án hành chính sơ thẩm số: 35/2018/HC-ST ngày 16/7/2018 đã có hiệu lực pháp luật đã xác định diện tích đất của bà Lê Xuân T có nguồn gốc sử dụng trước ngày 18/6/1998. Nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của UBND thành phố P, giữ nguyên Bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp với nhận định trên.

[6] Về án phí hành chính phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên UBND thành phố P phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Quyết định của Bản án sơ thẩm về án phí hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tổ tụng hành chính; khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Không chấp nhận kháng cáo của Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

2. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số: 86/2022/HC-ST ngày 08/7/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Xuân T:

- Hủy Quyết định số: 985/QĐ-UBND ngày 18/02/2020 của Ủy ban nhân dân huyện P về việc bổ sung hỗ trợ quyền sử dụng đất, hỗ trợ cây trồng cho bà Lê Xuân T.

- Hủy Quyết định số: 4094/QĐ-UBND ngày 09/7/2020 của Ủy ban nhân dân huyện P về việc đình chính Quyết định số: 985/QĐ-UBND ngày 18/02/2020 của UBND huyện P về việc bổ sung hỗ trợ quyền sử dụng đất, hỗ trợ cây trồng cho bà Lê Xuân T.

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố P thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật trong việc bồi thường, hỗ trợ do thu hồi đất của bà Lê Xuân T diện tích 25.000m² đất tại Đ, xã D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang theo quy định của pháp luật.

3. Án phí hành chính phúc thẩm: Ủy ban nhân dân thành phố P phải chịu án phí hành chính phúc thẩm 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng). Được trừ vào số tiền nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0001960 ngày 23/8/2022 của Cục Thi hành án tỉnh Kiên Giang.

4. Quyết định khác của án sơ thẩm về án phí hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**